

Số: /TB-TCKH

Biên Hòa, ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022

Đơn vị được thông báo: PHÒNG TƯ PHÁP TP. BIÊN HÒA

Mã chương: 614

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 của Phòng Tư pháp và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 12/4/2023 giữa Phòng Tư pháp và Phòng Tài chính – Kế hoạch.

Phòng Tài chính – Kế hoạch thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 (không bao gồm quyết toán vốn XDCB, các công trình vốn sự nghiệp, quản lý hành chính mang tính chất XDCB.....- sẽ có biên bản riêng) của Phòng Tư pháp như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm: 432.369.000 đồng
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 402.235.500 đồng
- Số phí được khấu trừ, để lại: 30.133.500 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1a đính kèm)

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 14.549.823 đồng
- Dự toán được giao trong năm: 1.848.661.200 đồng, trong đó:
 - + Dự toán giao đầu năm: 1.744.500.000 đồng;
 - + Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm: 104.161.200 đồng.
- Kinh phí thực nhận trong năm: 1.529.738.291 đồng;
- Kinh phí quyết toán: 1.529.738.291 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 319.348.769 đồng (trong đó: lương dư 102.233.154 đồng do công chức nghỉ thôi việc, kinh phí tuyên truyền, xây dựng văn bản, theo dõi thi hành pháp luật và kinh phí phục vụ cho việc thu lệ phí giảm 217.115.615 đồng).

- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 14.123.963 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận:..... đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 14.123.963 đồng;

(Số liệu chi tiết theo 1c đính kèm)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN:..... đồng

- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN:..... đồng

- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN:..... đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu số 69 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC)

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Do giới hạn về nguồn nhân lực và thời gian xét duyệt quyết toán, Phòng Tài chính - Kế hoạch căn cứ báo cáo quyết toán, hồ sơ, chứng từ do Phòng Tư pháp thành phố cung cấp (Phòng Tư pháp thành phố chịu trách nhiệm về tính pháp lý, tính xác thực của hồ sơ, chứng từ sổ sách kế toán và tài liệu cung cấp cho Phòng Tài chính - Kế hoạch), không chứng kiến việc kiểm kê vật tư hàng hóa, tài sản, quỹ tiền mặt tại thời điểm 31/12/2022.

Trên cơ sở báo cáo, tài liệu của Phòng Tư pháp thành phố cung cấp và tự chịu trách nhiệm, Phòng Tài chính- Kế hoạch thuyết minh số liệu như sau:

3.1. Về số thu:

+ Dự toán giao: 130.000.000 đồng

+ Thực hiện: 372.102.000 đồng

+ Số phải nộp NSNN: 372.102.000 đồng

+ Đã nộp NSNN: 372.102.000 đồng

Số thu thực hiện cao hơn so với dự toán giao là 242.102.000 đồng, tăng 186% do năm 2022 sau dịch Covid đã trở lại trạng thái bình thường mới nên số người đi đăng ký hộ tịch tăng. Đơn vị đã thực hiện nộp NSNN theo quy định.

- Phí chứng thực:

+ Dự toán giao: 120.000.000 đồng

+ Thực hiện: 60.267.000 đồng

+ Số phải nộp NSNN: 30.133.500 đồng

+ Đã nộp NSNN: 30.133.500 đồng

Số thu thực hiện thấp hơn so với dự toán giao là 59.733.000 đồng, giảm 49,8% do giảm số người đi chứng thực hồ sơ. Đơn vị đã thực hiện nộp NSNN theo quy định.

- Đơn vị còn có nguồn thu từ hoạt động dịch vụ (dịch thuật): Dự toán giao: 250.000.000 đồng, thực hiện: 320.616.000 đồng. Số thực hiện cao hơn so với dự toán do nhu cầu của người dân về lĩnh vực hoạt động này tăng.

- Đối với việc thực hiện nguồn cải cách tiền lương năm 2022:

+ Số trích CCTL trong năm 2022: 31.651.040 đồng

+ Số CCTL đã sử dụng trong năm 2022: 0 đồng

- Ngoài các nguồn thu trên, đơn vị không báo cáo nguồn thu nào khác. Đơn vị hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có khoản thu nào để ngoài sổ sách.

3.2. Về số chi:

Đơn vị thực hiện chi ngân sách theo dự toán được giao, khớp đúng với số liệu thực chi với Kho bạc Nhà nước.

3.3. Về số dư dự toán:

Cuối năm 2022, dự toán của đơn vị còn thừa: 333.472.732 đồng, trong đó kinh phí chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán tiếp: 14.123.963 đồng; kinh phí hủy dự toán: 319.348.769 đồng, cụ thể như sau:

- Kinh phí tuyên truyền chuẩn tiếp cận giáo dục; kinh phí xây dựng VBQPPL, theo dõi thi hành pháp luật; hoạt động thu lệ phí hộ tịch: 217.115.615 đồng.

- Kinh phí lương, phụ cấp, các khoản đóng góp: 102.233.154 đồng (do trong năm có 02 đồng chí thôi việc từ tháng 6/2022).

III. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm:..... đồng, trong đó:

- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính:..... đồng

- Trích lập các Quỹ:..... đồng

- Kinh phí cải cách tiền lương:... đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 3a ban hành kèm theo Thông tư này đối với xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2017; theo Mẫu biểu 1b ban hành kèm theo Thông tư này đối với xét duyệt/thẩm định quyết toán từ năm ngân sách 2018).

IV. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đảm bảo thời gian theo lịch thông báo.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: đơn vị lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính năm 2022 theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017.

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước như: Đơn vị hạch toán theo mục lục ngân sách, đơn vị có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ làm cơ sở để thực hiện.

2. Kiến nghị:

- Đề nghị đơn vị phản ánh tất cả các khoản thu, chi vào báo cáo tài chính của đơn vị theo Luật ngân sách.

Nơi nhận:

- Phòng Tư pháp TPBH;
- Lưu: VT, HCSN.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Thị Thanh Thủy